

Bản án số: 67/2022/HSST  
Ngày 12 tháng 5 năm 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**  
**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu  
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu  
Bà Hoàng Thu Hà  
**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án nhân dân  
thành phố Hải Dương  
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia**  
**phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2022/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn M**, sinh năm 1959; ĐKHKTT: Xóm T, xã C, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị S (đều đã chết); Vợ là Trần Thị Y, sinh năm 1960 và có 02 con, con lớn sinh năm 1979, con nhỏ sinh năm 1983;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Văn M bị bắt ngày 05/11/2021 theo Quyết định truy nã số 73 ngày 21/4/1989 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương; Quyết định tạm giữ ngày 06/11/2021, chuyển tạm giam từ ngày 15/11/2021 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- **Bị hại:** Ngân hàng TMCP C -chi nhánh Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật: bà Đặng Thị H – Giám đốc; Bà H ủy quyền cho ông Trịnh Văn L – Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng tham gia phiên tòa – có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, thành phố Hà Nội - vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1960. Trú tại: số A Nguyễn Lương Bằng, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Lê Thị V, sinh năm 1953. Trú tại: số B Mai Hắc Đế, phường B,

thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3. Ông Nguyễn Tuyên Huân, sinh năm 1943. Trú tại: số C Trương Mỹ, phường Ph, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

4. Ông Lê Văn B, sinh năm 1954. Trú tại: số D Bạch Đằng, phường Tr, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

5. Ông Vũ Quang Đ, sinh năm 1949. Trú tại: số M - Q, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

6. Ông Vũ Hồng C, sinh năm 1951. Trú tại: số S ngõ N, Tr, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/02/1989, Ngân hàng công thương Hải Hưng (nay là Ngân hàng TMCP C chi nhánh Hải Dương) phát hiện tờ séc thanh toán trong cả nước số AN 061673 ngày 10/01/1989 từ ngân hàng phát triển nông nghiệp Thanh Oai – Hà Sơn Bình chuyển đến nội dung: đơn vị phát hành Séc: Cửa hàng bán lẻ bia, rượu, bánh kẹo thị xã Hải Dương tài khoản 0129516 mở tại Ngân hàng công thương Hải Hưng. Nội dung trả tiền mua 5.000 kg thuốc pháo, 4.000 kg chì phê liệu với số tiền 20.000.000đồng. Đơn vị hưởng séc: Tổ sản xuất pháo 30 /4 Cao Viên, Thanh Oai, Hà Sơn Bình có tài khoản 140-29 tại ngân hàng phát triển nông nghiệp Thanh Oai - Hà Sơn Bình. Ngân hàng công thương Hải Hưng thấy tờ séc AN061673 không đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp, ngày tháng phát hành trên tờ séc ghi số là không hợp lệ, chữ ký kế toán, chủ tài khoản mẫu đóng trên tờ séc là không đúng mẫu đăng ký tại ngân hàng nên đã trình báo cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Hưng. Quá trình điều tra đã làm rõ:

Năm 1989, Võ Văn Ng, sinh năm 1940, trú tại: thôn V, xã C, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội là tổ trưởng, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1937, trú tại: Xóm A, thôn D, xã Cao Viên, huyện Thanh Oanh, Hà Sơn Bình là kế toán tổ hợp sản xuất pháo 30-4 Cao Viên, Thanh Oai, tỉnh Hà Sơn Bình. Đầu tháng 01/1989 Nguyễn Văn M đến gặp Nguyễn Văn Q làm hợp đồng mua pháo. Nguyễn Văn Q giới thiệu M với Võ Văn Ng và đề nghị Ng liên kết hợp đồng bán pháo với M, Ng đồng ý. Sau khi thống nhất với M, ngày 04/01/1989 Võ Văn Ng giao cho Nguyễn Văn Q hai hợp đồng lưu không đã được Ng ký tên và đóng dấu sẵn của tổ sản xuất pháo 30/4 để Q cùng M về thị xã Hải Dương ký hợp đồng kinh tế. Sáng ngày 05/01/1989 Q, M đã ký hợp đồng với cửa hàng trưởng cửa hàng thực phẩm máy xay thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) với nội dung: Tổ pháo 30-4 bán cho cửa hàng 1000 bánh pháo giá 2.100 đồng/1 bánh, thành tiền 21.000đồng, Ngược lại cửa hàng

bán cho tổ pháo 1.000 kg đường cuba giá 1.300 đồng/kg thành tiền 13.000.000đồng. Q mang hợp đồng về đưa cho Võ Văn Ng, nhưng do giá cả biến động, cửa hàng máy xay đã không thực hiện hợp đồng nữa.

Lợi dụng hợp đồng đã ký nêu trên, Q và Ng đã trao đổi với M xuống thị xã Hải Dương tìm kiếm các tờ séc không hợp lệ chuyển cho Q và Ng để đưa vào ngân hàng rút tiền, M đồng ý. Thông qua cửa hàng trưởng bia, rượu bánh kẹo (M không nhớ tên) có địa chỉ tại ngã tư đường Trần Hưng Đạo, thị xã Hải Dương thì M mua được của Lê Thị V, sinh năm 1953, Nơi ĐKKHKT: Số 1B Hoàng Văn Thụ, phường Phạm Ngũ Lão, Thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là 1B Hoàng Văn Thụ, phường Trần Phú, TP Hải Dương) là kế toán Ngân hàng C Hải Hưng 03 tờ séc loại phát hành trong cả nước: Số AN061673 ghi đơn vị phát hành séc “Cửa hàng bán lẻ bia rượu thị xã Hải Dương”, TK 01-295-06 trả tổ pháo 30/4 tiền mua thuốc pháo, chi phế liệu, phát hành số tiền 20.000.000đồng; 02 tờ séc AN061646, AN061547 cùng loại thanh toán cả nước, phát hành số tiền 35.000.000đồng. Tổng cộng 03 tờ séc trị giá 55.000.000 đồng. Sau đó M đưa 03 tờ séc này cho Q và Ng. Q đã làm thủ tục nhập 03 tờ séc vào tài khoản tiền gửi 140-29 của tổ pháo 30/4 tại Ngân hàng phát triển nông nghiệp huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Sơn Bình.

Theo yêu cầu của Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Q và Võ Văn Ng đến Ngân hàng phát triển nông nghiệp Thanh Oai cắt 03 séc thanh toán trong cả nước cho M từ tài khoản 140-29 của tổ pháo 30/4 về các đơn vị kinh tế ở thị xã Hải Dương với số tiền 27.300.000đồng gồm: Séc AB-936-831 đến tài khoản 01-135-35 cửa hàng ăn uống số I – 10.000.000đồng; Séc AA-8889 đến tài khoản 01-139-13 trạm sản xuất Lâm sản 15.000.000đồng; Séc AA.96.8888 đến cửa hàng bán lẻ bia rượu 2.300.000đồng. M mang 03 (ba) tờ séc trên về thị xã Hải Dương đã thông qua Đỗ Thị Th; Vũ Hồng C; Vũ Quang D; Nguyễn Tuyên H và Lê Văn B đổi thành tiền mặt và hàng hóa tương ứng với số tiền 27.300.000đồng để chiếm đoạt. Số tiền còn lại: 55.000.000đồng – 27.300.000đồng = 27.700.000đồng, Ng và Q rút từ tài khoản 140-29 của tổ pháo 30/4 chiếm đoạt tiền chia nhau.

Sau khi phạm tội, Nguyễn Văn M đã bỏ trốn trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn M. Ngày 05/11/2021, Nguyễn Văn M bị bắt theo Quyết định truy nã số 73 ngày 21/4/1989 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Hưng.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 73 ngày 06/5/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) và bản án hình sự phúc thẩm số 933 ngày

18/7/1991 của Tòa án nhân dân tối cao về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa.

Tại bản cáo trạng số 63/VKS-HS ngày 31-3-2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn M về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn M và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn M từ 33 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 05/11/2021. Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Văn M được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Nguyễn Văn M không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội của Kiểm sát viên và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất sớm trở về gia đình và xã hội.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên; Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, về phân trách nhiệm dân sự trong vụ án đã được giải quyết và thi hành theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 73 ngày 06/5/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) và bản án hình sự phúc thẩm số 933 ngày 18/7/1991 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn M tại phiên toà phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các đồng phạm cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 01/1989, Nguyễn Văn M đã cùng Võ Văn Ng là tổ trưởng và Nguyễn Văn Q là kế toán trưởng tổ hợp sản xuất pháo 30/4 Cao Viên, Thanh Oai, Hà Sơn Bình nhập 03 sec không hợp lệ, không có giá trị thanh toán của cửa hàng bán lẻ bia, rượu, bánh kẹo thị xã Hải Dương mở tài khoản tại Ngân hàng công thương Hải Hưng (nay là Ngân hàng TMCP C chi nhánh Hải Dương) ghi số tiền thanh toán là 55.000.000 đồng vào tài khoản tiền gửi của tổ hợp sản xuất pháo 30/4 Cao Viên qua Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện T, Hà Sơn Bình. Sau đó, bằng các hợp đồng kinh tế để chuyển thành nhiều séc mục đích rút tiền mặt, đổi thành hàng hóa chiếm đoạt số tiền 55.000.000 đồng chia nhau. Trong đó, Nguyễn Văn M được hưởng lợi 27.300.000 đồng và đã chi tiêu, sử dụng cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn Văn M là Người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được bằng thủ đoạn gian dối đã cùng các đồng phạm chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng TMCP C chi nhánh Hải Dương là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền chi tiêu mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Với giá trị tài sản chiếm đoạt và hành vi của bị cáo đã thực hiện vào thời điểm tháng 01-1989 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 1985. Do hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày 01-01-2018 nên căn cứ Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 41/NQ ngày 20-6-2017 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 theo hướng có lợi cho bị cáo thì hành vi của bị cáo áp dụng Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi hơn so với Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 1985 nên việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của Người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm hoạt động lĩnh vực quản lý đúng đắn của cơ quan nhà nước. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[4] Xem xét vai trò của Nguyễn Văn M trong vụ án: Hành vi của Nguyễn Văn Q và các đối tượng khác đã xét xử tại bản án số 73 ngày 06/5/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) và bản án hình sự phúc

thẩm số 933 ngày 18/7/1991 của Tòa án nhân dân tối cao. Trong vụ án này, Nguyễn Văn M là Người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, giữ vai trò chính. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và bị bắt truy nã đã gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, do đó cần xử hình phạt nghiêm để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn M là người chưa có tiền án, tiền sự. Theo Nghị quyết 41/NQ ngày 20-6-2017 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Vụ án đã xảy ra từ năm 1989, xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết và thi hành theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 73 ngày 06/5/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) và bản án hình sự phúc thẩm số 933 ngày 18/7/1991 của Tòa án nhân dân tối cao về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M là người cao tuổi và tại phiên tòa, bị cáo đề nghị được miễn nộp án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn M được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Văn Q, Lê Thị V và Đỗ Thị Th bị xét xử tại Bản án số 73 ngày 06/5/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng và Bản án số 933 ngày 18/7/1991 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với Võ Văn Ng đã chết ngày 01/7/2015; đối với Nguyễn Tuyên H, Đỗ Thị Th, Lê Văn B, Vũ Quang D, Vũ Hồng C không bị truy nã đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đã ra các quyết định đình chỉ vụ án đối với các đối tượng trên số 01, 02, 03, 04, 05 ngày 17-01-2022.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 41/NQ ngày 20-6-2017 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 33 (Ba mươi ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 05-11-2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 73 ngày 06/5/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) và bản án hình sự phúc thẩm số 933 ngày 18/7/1991 của Tòa án nhân dân tối cao có hiệu lực pháp luật thi hành nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP Hải Dương;
- CQTHAHS-Công an tỉnh Hải Dương;
- CS hồ sơ nghiệp vụ- Công an tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT-Công an TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- CQTHAHS-Công an TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu**